

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ nghị quyết số 39/NQQ-HĐĐTHN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Biên bản số 1845 /BB-HĐKH&ĐT ngày 12/7/2022 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (có danh sách ngành và chuyên ngành kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa 58 tuyển sinh năm 2022.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các Khoa, Phòng KT&ĐBCLGD;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

DANH SÁCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2	Công nghệ sản xuất tự động
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	3	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	4	Kỹ thuật vật liệu
5	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	5	Cơ khí động lực
6	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	6	Công nghệ ô tô
			7	Công nghệ nhiệt lạnh ô tô
			8	Công nghệ cơ điện tử ô tô
			9	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
8	7580101	Kiến trúc	11	Kiến trúc công trình
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	12	Kỹ thuật môi trường
			13	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị
10	7520201	Kỹ thuật điện	14	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			15	Hệ thống điện
			16	Thiết bị điện – điện tử
			17	Điện công nghiệp dân dụng
11	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	18	Tự động hóa công nghiệp
			19	Kỹ thuật điều khiển
12	7510303	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	20	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
13	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	21	Điện tử viễn thông
			22	Kỹ thuật điện tử
			23	Công nghệ IoT và hệ thống điện tử thông minh
			24	Truyền thông và mạng máy tính
			25	Quản trị mạng và truyền thông
14	7480106	Kỹ thuật máy tính	26	Tin học công nghiệp
			27	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			28	Hệ thống nhúng và IoT
			29	Kỹ thuật phần mềm.



15	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	30	Công nghệ kỹ thuật điện
16	7510202	Công nghệ chế tạo máy	31	Công nghệ chế tạo máy
17	7510601	Quản lý công nghiệp	32	Quản lý công nghiệp
18	7510604	Kinh tế công nghiệp	33	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
19	7220201	Ngôn ngữ Anh	34	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ấn định danh sách: 19 ngành; 34 chuyên ngành.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

PHỤ LỤC 3

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH

KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN NĂM 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	1
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Mục tiêu chung	1
2. Mục tiêu cụ thể	1
III. CHUẨN ĐẦU RA.....	2
IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU - CDR.....	4
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP	6
VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP	7
VII. MÔ TẢ VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
1. Khung chương trình đào tạo	8
1.1. Phân bổ khối kiến thức	8
1.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	8
2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT.....	15
2.1. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp.....	15
2.2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp.....	16
3. Kế hoạch giảng dạy (phân kỳ CTĐT)	17
VIII. MA TRẬN KIẾN THỨC KỸ NĂNG.....	21
PHẦN II. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	27
I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG.....	27
II. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG CỐT LÕI.....	32
III. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG NÂNG CAO (Chuyên ngành).....	39
III.1. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp.....	39
III.2. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	43
PHẦN III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	47
I. TÀI NGUYÊN CON NGƯỜI, CƠ CỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP	47
1. Đội ngũ giảng viên	47
2. Hệ thống công nghệ thông tin-thư viện.....	49
II. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	81
III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	82
III.1. Thang điểm theo hệ thống tín chỉ.....	82

III.2. Kiểm tra, đánh giá	83
IV. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN VÀ NGOẠI KHÓA	83
1. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên	83
2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.....	83
3. Hoạt động ngoại khóa và định hướng nghề nghiệp.....	83
V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỐI SÁNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ	85
PHẦN IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	91

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHẦN 1: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kinh tế công nghiệp

Tên tiếng Anh: Industrial economy

Mã ngành: 7510604

Chuyên ngành đào tạo: Kế toán doanh nghiệp công nghiệp; Quản trị doanh nghiệp công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân kinh tế công nghiệp

(CTĐT được ban hành theo Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên)

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kinh tế công nghiệp (với 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp và Quản trị doanh nghiệp công nghiệp) sẽ đào tạo cho xã hội những cử nhân kinh tế công nghiệp có trình độ đại học có phẩm chất chính trị tốt, tư cách đạo đức tốt, có đủ sức khỏe tham gia công tác, có trình độ năng lực chuyên môn sâu về kế toán/ quản trị, có tư duy sâu về lĩnh vực kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán có khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, đánh giá và đưa ra ý kiến tư vấn hữu ích giúp các nhà quản trị trong việc ra quyết định, điều hành hoạt động của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

(1) Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật ở trình độ đại học, có thể tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

(2) Nắm vững kiến thức về kinh tế, quản trị, kế toán, kiến thức về chế độ, chính sách kế toán, kiến thức tin học ứng dụng trong việc sử dụng các phần mềm quản trị, kế

toán, hỗ trợ kê khai thuế. Qua đó, sẽ giúp sinh viên trong việc phân tích, tổng hợp, đánh giá và lập các báo cáo quản trị, báo cáo kế toán cần thiết.

(3) Có thái độ, nhận thức rõ trách nhiệm công dân, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; biết tôn trọng lợi ích tập thể; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận, có tư duy sáng tạo, ham tìm hiểu và khả năng học tập suốt đời; dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với thử thách.

(4) Được trang bị các kỹ năng mềm như: Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp; có tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện; có kỹ năng thiết kế hệ thống thông tin để đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin kế toán tài chính và quản trị; có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết; luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ, tin học để phục vụ cho nhu cầu của công việc quản trị, cũng như kế toán.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cấp độ 2)

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, từ đó tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	2
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng (bao gồm Kiến thức liên ngành, nhóm ngành, cơ sở ngành) phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành, cũng như tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm việc trong lĩnh vực KTCN	3
1.3	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành KTCN từ đó có thể phân tích, nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị hoặc nhân viên quản trị nghiệp vụ.	4
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết từ đó đề xuất phương án giải quyết phù hợp	3
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề một cách độc lập, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khám phá	3
2.3	Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống	3
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Biết nhận thức năng lực bản thân;	3

	Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao.	
2.5	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội	3
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm	3
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ	3
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; của tổ chức/doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; Hiểu biết về các chế độ, chính sách pháp luật kinh doanh, kế toán; Nhận diện được những thay đổi của môi trường, cơ hội, thách thức mà tổ chức/doanh nghiệp đang gặp phải	3
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức/doanh nghiệp; những đặc điểm cơ bản của tổ chức/doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức/doanh nghiệp	3
4.3	Xác định mục tiêu, yêu cầu, xây dựng nội dung tổ chức công tác kế toán trong tổ chức/doanh nghiệp; xác định được mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp; Có khả năng xác định, tìm kiếm, lựa chọn nguồn cung ứng nhân lực/lựa chọn dự án/ ý tưởng kinh doanh/ chiến lược tác nghiệp cho tổ chức/doanh nghiệp	3
4.4	Thiết kế sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán (quy trình quản trị); quy trình ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo theo hình thức kế toán phù hợp; quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Thiết kế mô hình cơ cấu tổ chức, bản mô tả vị trí công việc, xây dựng quy trình tuyển mộ, tuyển chọn, quy trình tác nghiệp, lập kế hoạch, dự án, ý tưởng kinh doanh	3
4.5	Tổ chức nhân sự kế toán cho từng vị trí trong bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán (vận dụng và thực hiện quy trình quản trị); thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo kế toán; Thực hiện tuyển dụng, bố trí công việc, đào tạo phát triển nhân lực, phân bổ quyền hạn, trách nhiệm trong tổ chức, triển khai điều phối	3

	nguồn lực, kiểm soát thực hiện dự án/ý tưởng kinh doanh/ chất lượng	
4.6	Kiểm tra việc tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán; thực hiện các thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Đánh giá hiệu quả của tổ chức công tác kế toán trong việc cung cấp thông tin kế toán, mức độ đáp ứng của nhân sự kế toán đối với các phân hành kế toán được phân công; Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân, bộ phận, đề xuất phương án cải tiến/ kết quả thực hiện dự án, ý tưởng kinh doanh/ hiệu quả tác nghiệp và đề xuất phương án cải tiến quy trình	3

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU - CĐR

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu của CTĐT			
		1	2	3	4
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	✓	✓	✓	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, từ đó tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	✓		✓	
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng (<i>bao gồm Kiến thức liên ngành, nhóm ngành, cơ sở ngành</i>) phục vụ cho nghiên cứu, học tập các kiến thức chuyên ngành, cũng như tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán		✓		
1.3	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị hoặc nhân viên quản trị nghiệp vụ.		✓	✓	
1.3.1	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán		✓	✓	
1.3.2	Tổng hợp các kiến thức chuyên ngành quản trị doanh nghiệp công nghiệp từ đó có thể phân tích cho nghiên cứu, học tập, tạo tiền đề cơ bản cho hoạt động chuyên môn của người quản trị		✓	✓	
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP			✓	
2.1	Nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết từ đó đề xuất phương án giải quyết phù hợp			✓	
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề một cách độc lập, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khám phá			✓	

2.3	Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát, đồng thời đặt chúng trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống			✓	
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thực hiện quản lý thời gian, nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập kết hợp vận dụng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Biết nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Rèn luyện tính kiên trì, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao.			✓	
2.5	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội			✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN				✓
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm				✓
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ				✓
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI			✓	✓
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; của tổ chức/doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; Hiểu biết về các chế độ, chính sách pháp luật kinh doanh, kế toán; Nhận diện được những thay đổi của môi trường, cơ hội, thách thức mà tổ chức/doanh nghiệp đang gặp phải			✓	✓
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức/doanh nghiệp; những đặc điểm cơ bản của tổ chức/doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức/doanh nghiệp			✓	✓
4.3	Xác định mục tiêu, yêu cầu, xây dựng nội dung tổ chức công tác kế toán trong tổ chức/doanh nghiệp; xác định được mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp; Có khả năng xác định, tìm kiếm, lựa chọn nguồn cung ứng nhân lực/lựa chọn dự án/ ý tưởng kinh doanh/ chiến lược			✓	✓

	tác nghiệp cho tổ chức/ doanh nghiệp				
4.4	Thiết kế sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán (quy trình quản trị); quy trình ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo theo hình thức kế toán phù hợp; quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Thiết kế mô hình cơ cấu tổ chức, bản mô tả vị trí công việc, xây dựng quy trình tuyển mộ, tuyển chọn, quy trình tác nghiệp, lập kế hoạch, dự án, ý tưởng kinh doanh			✓	✓
4.5	Tổ chức nhân sự kế toán cho từng vị trí trong bộ máy kế toán (bộ máy quản trị doanh nghiệp); vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán (vận dụng và thực hiện quy trình quản trị); thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo kế toán; Thực hiện tuyển dụng, bố trí công việc, đào tạo phát triển nhân lực, phân bổ quyền hạn, trách nhiệm trong tổ chức, triển khai điều phối nguồn lực, kiểm soát thực hiện dự án/ý tưởng kinh doanh/ chất lượng			✓	✓
4.6	Kiểm tra việc tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán; thực hiện các thủ tục kiểm tra, kiểm soát hệ thống kế toán; Đánh giá hiệu quả của tổ chức công tác kế toán trong việc cung cấp thông tin kế toán, mức độ đáp ứng của nhân sự kế toán đối với các phân hành kế toán được phân công; Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân, bộ phận, đề xuất phương án cải tiến/ kết quả thực hiện dự án, ý tưởng kinh doanh/ hiệu quả tác nghiệp và đề xuất phương án cải tiến quy trình			✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau thời gian được đào tạo hệ đại học chính quy đối với ngành kinh tế công nghiệp như sau:

+ Đối với chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp – Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu, cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện các công việc như:

- Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... một cách chuyên nghiệp;

- Tổ chức vận hành các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, cung cấp thông tin kế toán tài chính, thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị;

- Trực tiếp thực hiện và điều hành các hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng;

- Nâng cao khả năng phân tích và tư vấn kế toán cho các đối tượng có nhu cầu;
- Trực tiếp giảng dạy chuyên môn, nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng thuộc khối kinh tế.

+ Đối với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp – Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu, cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện các công việc như:

- Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp.

- Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.

- Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.

- Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực kinh tế nói chung, lĩnh vực quản trị, kế toán, tài chính nói riêng;

- Thực hiện các nghiên cứu chuyên ngành sâu về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, kiểm toán.

VII. MÔ TẢ VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
+ Lý luận chính trị + Pháp luật	13	13	
+ Toán học	2	2	
+ Khoa học, xã hội	4		4
+ Ngoại ngữ	9	9	
+ Tin học	3	3	
Khối kiến thức chuyên nghiệp	92	83	9
+ Liên ngành	3	3	
+ Nhóm ngành	35	35	
+ Cơ sở ngành – Kế toán DNCN	17	14	3
+ Cơ sở ngành – Quản trị DNCN	17	17	0
+ Chuyên ngành Kế toán DNCN	28	22	6
+ Chuyên ngành Quản trị DNCN	28	28	0
+ Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	9	9	
Khối kiến thức GDTC và GDQP	Không tính		
+ Giáo dục thể chất			
+ Giáo dục quốc phòng			

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						
I	Học phần bắt buộc		27						
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	45					LLCT
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			BAS 123		LLCT

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			BAS123; BAS215		LLCT
4	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		BAS123; 215; 305	BAS123; 215; 305		LLCT
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		BAS123; 215; 305; 217	BAS123; 215; 305; 217		LLCT
6	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30					KHCB
7	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45					QT
8	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45			ENG 112		QT
9	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45			ENG 112 ENG113		QT
10	FIM222	Tin học trong Kinh tế công nghiệp	3	45					KTCN
11	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30					LLCT
12	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc ¹							KHCB
13		Giáo dục quốc phòng							
II.1	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)²						BAS 0109		KHCB
14.1	B103BC1	Bóng chuyền 1							
14.2	B103BD1	Bóng đá 1							

¹ Chứng chỉ

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
14.3	B103BR1	Bóng rổ 1							
14.4	B103CLI	Cầu lông 1							
II.2	Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm - Kinh tế - Xã hội) (Chọn 2 trong 3 học phần)		4						
15.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					KTCN
15.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	2	30					KTCN
15.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	2	30					KTCN
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92						
I	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành/ ngành và liên ngành		58						
1.1	Kiến thức liên ngành		3						
16	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45					Điện
1.2	Kiến thức nhóm ngành		35						
	Học phần bắt buộc		35						
17	FIM330	Luật kinh doanh	2	30			FIM207		LLCT
18	FIM214	Toán Kinh tế	3	45			BAS 0108; 109		KTCN
19	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45					
20	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			FIM 204		
21	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	0	60	FIM204, FIM205	FIM204, FIM205		KTCN

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
22	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			FIM204, FIM205		KTCN
23	FIM331	Marketing căn bản	3	45					
24	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45					
25	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			FIM204, BAS0210		
26	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			FIM 213, FIM205		
27	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			FIM 371, 213, 206		
28	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			FIM 206		
29	FIM208	Quản trị học	3	45					
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		17						
30	FIM538	Kinh tế lượng	3	45	0		FIM 204, FIM205, BAS0210	FIM 204, FIM205, BAS0210	KTCN
31	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	60	0		FIM 206, FIM213	FIM 204, 371, 319	
A	Áp dụng cho chuyên ngành Kế toán DNCN		10						
32	FIM0388	TTCS ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN)	2	0	60			FIM 206	KTCN
33	FIM434	Kiểm toán căn bản	3	45				FIM 206	
34	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương	2	30					

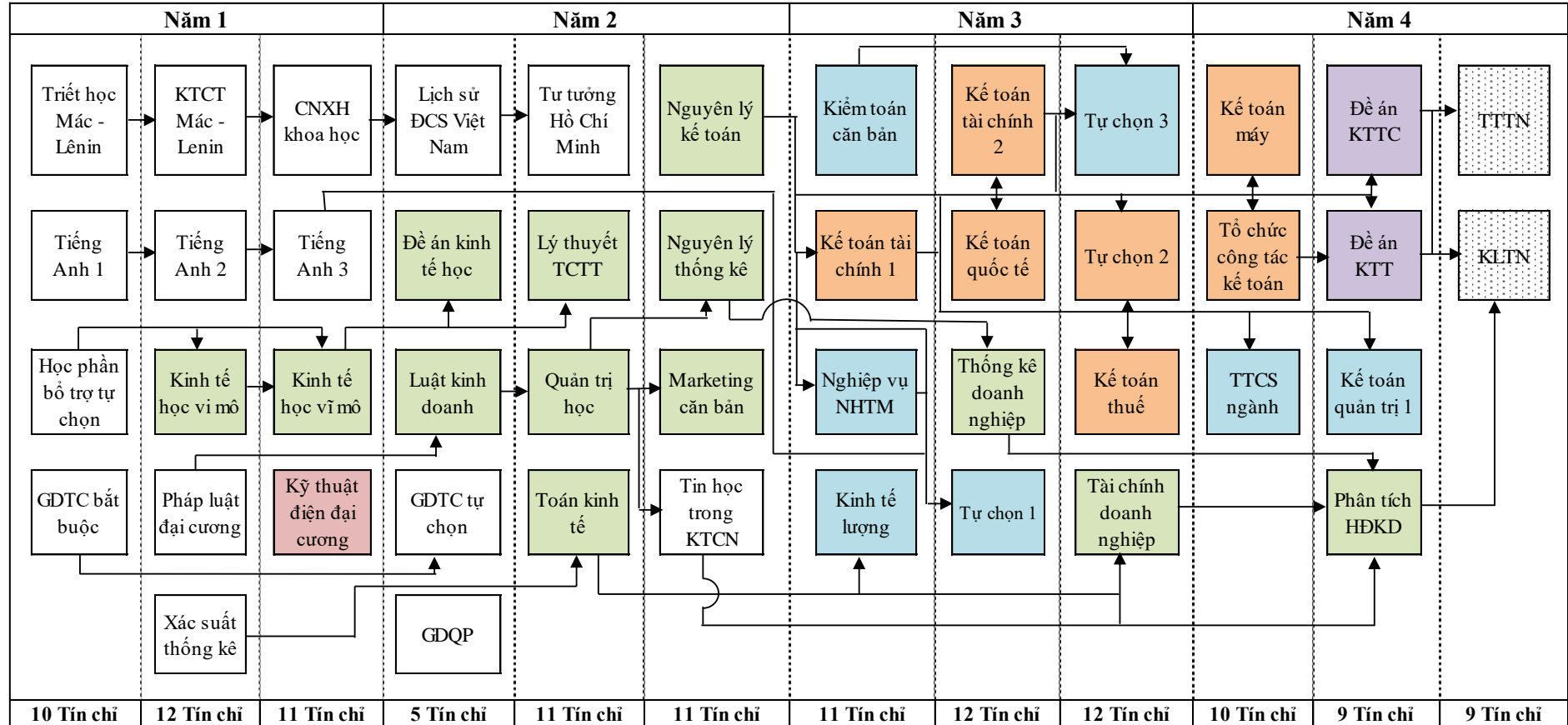
Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
		mai							
35	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
35.1	FIM0303	Kế toán hành chính sự nghiệp	(3)	45			FIM 206		
35.2	FIM0302	Kế toán ngân sách	(3)	45			FIM 206		
B	Áp dụng cho chuyên ngành Quản trị DNCN		10						
32	FIM0381	TTCS ngành (Chuyên ngành Quản trị DNCN)	2	0	60		FIM 208		
33	FIM443	Thương mại điện tử	2	30			FIM 204, 205, 208		KTCN
34	FIM360	Quản trị tài chính	3	45			FIM208		
35	FIM0305	Văn hóa kinh doanh	3	45			FIM 204, 205, 208		
II	Khối kiến thức chuyên ngành		37						
II.1	Chuyên ngành Kế toán DNCN		37						
II.1.1	Học phần bắt buộc		22						
36	FIM319	Kế toán tài chính 1	3	45	0		FIM 206		
37	FIM320	Kế toán tài chính 2	3	45	0	FIM 206	FIM206, FIM319		KTCN
38	FIM353	Kế toán thuế	3	45	0	FIM 206	FIM 206, 319		
39	FIM484	Kế toán máy	4	10	50	FIM 206	FIM 206, 319, 320		

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
40	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	30	30	FIM 206	FIM 319, 320, 206		KTCN
41	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	0	60	FIM 206, 319	FIM 206, 319		
42	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	0	60	FIM206, FIM353	FIM206, FIM353		
43	FIM356	Kế toán quốc tế	3	45			FIM 206		
II.1.2	Học phần tự chọn		6						
44	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
44.1	FIM432	Kế toán xây dựng cơ bản	(3)	45			FIM 206		
44.2	FIM357	Kế toán thương mại dịch vụ	(3)	45			FIM 206		
45	Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)		3						
45.1	FIM0318	Kiểm toán nội bộ	3	45			FIM 206, FIM434		
45.2	FIM354	Kiểm toán tài chính	3	45					
II.1.2	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
46	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3	0	180	FIM319, 320, 206, 0545	FIM319, 320, 206, 0545		
47	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6	0	360	FIM319, 320, 206, 0545	FIM319, 320, 206, 0545		
II.2	Chuyên ngành Quản trị DNCN		37						
II.2.1	Học phần bắt buộc		28						
36	FIM364	Quản trị chất lượng	3	45		FIM 208	FIM 208		

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện (Khoa, Trung tâm)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
37	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			FIM 204, 205, 208		KTCN
38	FIM361	Quản lý dự án	4	60			FIM 208, 331		
39	FIM0470	Quản trị tác nghiệp	4	60		FIM 204, 205	FIM 208		
40	FIM0471	Khởi sự kinh doanh	3	45			FIM 208		
41	FIM489	Quản trị chiến lược	3	45			FIM 208, 331		
42	FIM494	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	45			FIM204, 205, 208		
43	FIM323	Đề án Quản lý dự án	1	0	60		FIM 361		
44	FIM366	Đề án Quản trị tác nghiệp	1		60		FIM 359		KTCN
45	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45			FIM 208		
II.2.2	Thực tập và Khóa luận Tốt nghiệp		9						
46	FIM487	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN	3		180				KTCN
47	FIM488	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN	6		360			FIM362, 361, 359, 489, 494	
TỔNG CỘNG			123						
Tổng số tín chỉ toàn CTĐT: 123 TC (Bắt buộc: 110 TC; Tự chọn: 13 TC)									

2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT

2.1. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp



Ghi chú:



Các HP đại cương



Các HP cơ sở ngành



Đề án môn học



Các HP liên ngành



Các HP chuyên ngành

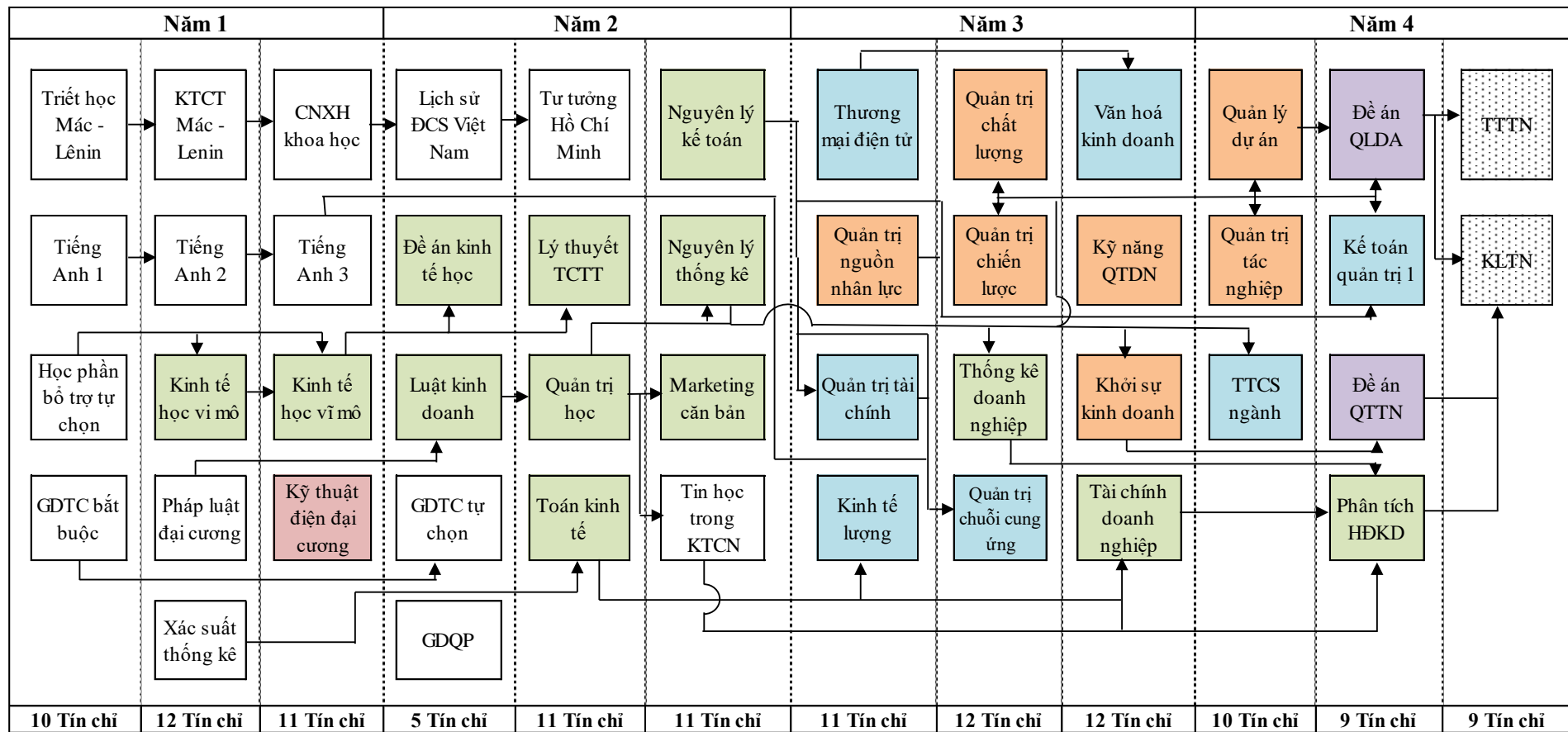


Các HP thực tập/KLTN



Các HP nhóm ngành

2.2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT – Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp



- Ghi chú:
- Các HP đại cương
 - Các HP cơ sở ngành
 - Đề án môn học
 - Các HP liên ngành
 - Các HP chuyên ngành
 - Các HP thực tập/KLTN
 - Các HP nhóm ngành

3. Kế hoạch giảng dạy (phân kỳ CTĐT)

Học kỳ 1:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	
2	ENG112	Tiếng Anh 1	3	
3	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc		
4		Học phần bổ trợ tự chọn (Chọn 2 trong 4 HP)	4	
4.1	FIM0101	Lịch sử các HTKT	(2)	
4.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	(2)	
4.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)	
		Tổng	10	

Học kỳ 2:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	
2	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	
3	FIM207	Pháp luật đại cương	2	
4	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
5	ENG113	Tiếng Anh 2	3	
		Tổng	12	

Học kỳ 3:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	
3	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	
4	ENG217	Tiếng Anh 3	3	
		Tổng	11	

Học kỳ 4:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM330	Luật kinh doanh	2	
2	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
3	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	
4		Giáo dục thể chất tự chọn (1 trong 4 học phần)		
4.1	B103BC1	Bóng chày 1		
4.2	B103BD1	Bóng đá 1		

4.3	B103BR1	Bóng rổ 1		
4.4	B103CL1	Cầu lông 1		
5		Giáo dục quốc phòng		
		Tổng	5	

Học kỳ 5:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	FIM214	Toán kinh tế	3	
3	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
4	FIM208	Quản trị học	3	
		Tổng	11	

Học kỳ 6:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	
2		Tin học trong kinh tế công nghiệp	3	
3	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	
4	FIM331	Marketing căn bản	3	
		Tổng	11	

Học kỳ 7:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM434	Kiểm toán căn bản	3	
2	FIM319	Kế toán tài chính 1	3	
3	FIM538	Kinh tế lượng	3	
4	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM443	Thương mại điện tử	2	
2	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	
3	FIM360	Quản trị tài chính	3	
4	FIM538	Kinh tế lượng	3	
		Tổng	11	

Học kỳ 8:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM320	Kế toán tài chính 2	3	

2	FIM356	Kế toán quốc tế	3	
3	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
4		Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)	3	
4.1		<i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>	(3)	
4.2		<i>Kế toán ngân sách</i>	(3)	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM364	Quản trị chất lượng	3	
2	FIM489	Quản trị chiến lược	3	
3	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	
4	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
		Tổng	12	

Học kỳ 9:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1		Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)	3	
1.1	FIM432	<i>Kế toán xây dựng cơ bản</i>	(3)	
1.2	FIM357	<i>Kế toán thương mại dịch vụ</i>	(3)	
2		Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)	3	
2.1	FIM354	<i>Kiểm toán tài chính</i>	(3)	
2.2		<i>Kiểm toán nội bộ</i>	(3)	
3	FIM353	Kế toán thuế	3	
4	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1		Văn hoá kinh doanh	3	
2	FIM494	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	
3		Khởi sự kinh doanh	3	
4	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	
		Tổng	11	

Học kỳ 10:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	
2	FIM484	Kế toán máy	4	
3	FIM0388	TTCS chuyên ngành Kế toán DNCN	2	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM461	Quản lý dự án	4	

2		Quản trị tác nghiệp	4	
3	FIM0381	TTCS chuyên ngành Quản trị DNCN	2	
		Tổng	10	

Học kỳ 11:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	
2	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	
3	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	
4	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	
2	FIM323	ĐA quản lý dự án	1	
3	FIM369	ĐA Quản trị tác nghiệp	1	
4	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
		Tổng	9	

Học kỳ 12:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN			
1	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3	
2	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6	
II	Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN			
1	FIM495	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN	3	
2	FIM496	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN	6	
		Tổng	9	

VIII. MA TRẬN KIẾN THỨC KỸ NĂNG

Bảng 1: Ma trận tương quan (Đối với phương án 3 học kỳ/năm)

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 1																
Triết học Mác – Lênin - BAS123	2			3					3							
Tiếng Anh 1 - ENG112	3						3		3	3						
Giáo dục thể chất bắt buộc - BAS0109	2			2,3					2							
<i>Học phần bổ trợ tự chọn (Chọn 2 trong 4 HP)</i>																
<i>Lịch sử các HTKT</i>	2			2			2									
<i>Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp</i>	2						2	2			2					
<i>Định hướng nghề nghiệp ngành kinh tế công nghiệp</i>	2						2	2			2					
HỌC KỲ 2																
Kinh tế học vi mô - FIM204		3		3			3									
Xác suất và thống kê - BAS0210	2,5			2		2	2									
Tiếng Anh 2 - ENG113	3						3		3	3						
Pháp luật đại cương - FIM207	2			3					3							
Kinh tế chính trị Mác - Lênin - BAS215	2			3					3							
HỌC KỲ 3																
Chủ nghĩa xã hội khoa học - BAS305	2			3					3							
Tiếng Anh 3 - ENG217	3						3		3	3						

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Kinh tế học vĩ mô - FIM205		3		3			3									
Kỹ thuật điện đại cương - ELE0205		3		3				3	3							
HỌC KỲ 4																
Luật kinh doanh - FIM330	2			3					3							
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - BAS217	2			3					3							
Giáo dục quốc phòng																
Đề án Kinh tế học - FIM0308		3		3		3	3									
<i>Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)</i>																
<i>Bóng chuyền 1</i>	2			2					2							
<i>Bóng đá 1</i>	2			2					2							
<i>Bóng rổ 1</i>	2			2					2							
<i>Cầu lông 1</i>	2			2					2							
HỌC KỲ 5																
Lý thuyết tài chính tiền tệ - FIM216		3		3			3									
Tư tưởng Hồ Chí Minh - BAS110	2			3					3							
Toán kinh tế - FIM214		3			3		3									
Quản trị học - FIM208		3					3				3		3			
HỌC KỲ 6																
Nguyên lý kế toán - FIM206		3				3		3		2						

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Tin học trong kinh tế công nghiệp	3						3	3								
Nguyên lý thống kê - FIM213		3		3			3									
Marketing căn bản - FIM331		3		3							3					
HỌC KỲ 7																
Kinh tế lượng - FIM538		3		3			3									
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
Kiểm toán căn bản - FIM434		3		2	2	2	4	4								
Kế toán tài chính 1 - FIM319			3		3					3	2					
Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - FIM352			3	3			3									
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
Quản trị nguồn nhân lực - FIM362			2						3	3	3					3
Thương mại điện tử - FIM443		3		3							3					
Quản trị tài chính - FIM360		3		3			3									
HỌC KỲ 8																
Thống kê doanh nghiệp - FIM371		3				3	3					3				
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
Kế toán tài chính 2 - FIM320			4		3					3	2					
Kế toán quốc tế - FIM356			3	3		3	3	3		3						
<i>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>																

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Kế toán hành chính sự nghiệp		3		3	3		3			3						
Kế toán ngân sách		3		3	3		3			3						
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
Quản trị chất lượng - FIM364			2	3	3	3	3		3					3		3
Quản trị chiến lược - FIM489			2	3		3	3		3		2	2	3			
Quản trị chuỗi cung ứng - FIM363			3	3			3		3	3			4	3		3
HỌC KỲ 9																
Tài chính doanh nghiệp - FIM334		3				3	3					3				
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)																
Kế toán xây dựng cơ bản - FIM432			3	3		3	3			3						
Kế toán thương mại dịch vụ - FIM357			3	3		3	3			3						
Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 2 học phần)																
Kiểm toán tài chính - FIM354			3			3				3						
Kiểm toán nội bộ			3			3				3						
Kế toán thuế - FIM353			3			3	3	3		3						
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
Kỹ năng quản trị doanh nghiệp – FIM494			3						3	3						
Khởi sự kinh doanh			3			3		3								

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Văn hoá kinh doanh		3							3		3					
HỌC KỲ 10																
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
Tổ chức công tác kế toán - FIM0545			4		3					3	3			3	3	
Kế toán máy - FIM484			3				3	3	3	3						
TTCS chuyên ngành Kế toán DNCN – FIM0388		3				3	3		3							
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
Quản lý dự án - FIM361			2	3			3		3				3	3	3	2
Quản trị tác nghiệp			3		3		3		3				3	3	3	3
TTCS chuyên ngành Quản trị DNCN – FIM0381		3			3				3	3		3				
HỌC KỲ 11																
Phân tích hoạt động kinh doanh - FIM482		3					3					3				
Kế toán quản trị 1 - FIM431			3			3	3	3		3					3	3
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
Đề án kế toán thuế - FIM539			4	3	3		3	3	3							3
Đề án kế toán tài chính - FIM485			4						3	3					3	3
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
Đề án quản trị tác nghiệp			3	3						3	3					
ĐA quản lý dự án - FIM323							3		3				3	3	3	

(MÃ HỌC PHẦN-TÊN HỌC PHẦN)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
	1			2					3		4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 12																
Đối với chuyên ngành Kế toán DNCN																
TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN - FIM487			4	4			4	4		4						
KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN - FIM488					4			4		4	4	4		4	4	4
Đối với chuyên ngành Quản trị DNCN																
TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN - FIM 495						4					4	4				4
KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN - FIM496						4					4	4				4

PHẦN II. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: **Triết học Mác – Lênin (Số tín chỉ: 3 TC)**

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Tên học phần: **Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Số tín chỉ: 2 TC)**

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

3. Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học (Số tín chỉ: 2 TC)**

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Tên học phần: **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số tín chỉ: 2 TC)**

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

5. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

6. Tên học phần: Xác suất và thống kê (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần xác suất thống kê là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

7. Tên học phần: Tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản liên quan tới một số chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

8. Tên học phần: Tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

9. Tên học phần: Tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông và các bài luyện tập đa dạng giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ đầu của trình độ B1. Bên cạnh đó, người học rèn luyện được năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp.

10. Tên học phần: Tin học trong Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 12/33/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tin học trong Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Kinh tế công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong tài chính, kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

11. Tên học phần: Pháp luật đại cương (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

12. Tên học phần: Giáo dục thể chất bắt buộc

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

13. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân.

14. Tên học phần: Giáo dục thể chất tự chọn

14.1. Bóng chuyền 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.2. Bóng đá 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Bóng đá 1 là học phần tự chọn. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Bóng đá. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.3. Bóng rổ 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14.4. Cầu lông 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh

viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

15. Tên học phần: Học phần bổ trợ tự chọn (Số tín chỉ: 4 TC)

15.1. Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế (Số tín chỉ: 2 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

15.2. Tên học phần: Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

15.3. Tên học phần: Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 2 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần này bao gồm các nội dung: giới thiệu chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

II. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG CỐT LÕI

16. Tên học phần: Kỹ thuật điện đại cương (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế. Ngoài ra, sinh viên được làm quen với hoạt động làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

17. Tên học phần: Luật kinh doanh (Số tín chỉ: 2 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 30/0/60

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

18. Tên học phần: Toán kinh tế (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: giới thiệu về cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

19. Tên học phần: Kinh tế học vi mô (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vi mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về kinh tế học;

cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, các quy luật kinh tế và các phương pháp nghiên cứu kinh tế; là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

20. Tên học phần: Kinh tế học vĩ mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học vĩ mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; khái quát về kinh tế học vĩ mô; tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; tổng cầu và chính sách tài khoá; tiền tệ và chính sách tiền tệ; mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá được những tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

21. Tên học phần: Đề án Kinh tế học (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

22. Tên học phần: Lý thuyết tài chính tiền tệ (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Tổng quan về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

23. Tên học phần: Marketing căn bản (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Marketing căn bản thuộc hệ thống các học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần gồm 2 nội dung chính: những vấn đề chung của marketing (Thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích hành vi tiêu dùng, cách phân đoạn các thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu); các công cụ marketing phổ biến được sử dụng trong các doanh nghiệp (Sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp). Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động định hướng thị trường của tổ chức, là nền tảng để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

24. Tên học phần: Nguyên lý kế toán (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập*: 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

25. Tên học phần: Nguyên lý thống kê (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập*: 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

26. Tên học phần: Thống kê doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập*: 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

cách tính các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được phương pháp và rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu thống kê trong doanh nghiệp.

27. Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào phân tích và đánh giá tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

28. Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, dòng tiền, định giá dòng tiền chiết khấu, giá trị hiện tại ròng và các nguyên tắc đầu tư khác; ra quyết định đầu tư; phân tích rủi ro, quyền chọn thực; lãi suất, định giá trái phiếu, và định giá cổ phiếu. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

29. Tên học phần: Quản trị học (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị, Nhà quản trị, Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị cổ điển và hiện đại; các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra; quản trị thông tin và ra quyết định.

30. Tên học phần: Kinh tế lượng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất và thống kê

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế lượng là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Giới thiệu về mô hình hồi quy

đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy với biến giả; nghiên cứu các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan. Học phần này giúp sinh viên nắm được quy trình phân tích hồi quy để giải quyết những bài toán kinh tế kinh tế cụ thể.

31. Tên học phần: Kế toán quản trị 1 (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán; Nguyên lý thống kê.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán quản trị 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Cách lập các loại dự toán sản xuất; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp, giúp đưa ra đề xuất về các giải pháp nhằm duy trì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

CÁC HỌC PHẦN ÁP DỤNG CHO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DNCN

32. Tên học phần: Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp) (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/120/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Kế toán DNCN) là học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm hệ thống các tình huống giả định được xây dựng trên bộ dữ liệu thực tế. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng trong việc thực hành quy trình luân chuyển chứng từ kế toán trên một số phần hành kế toán.

33. Tên học phần: Kiểm toán căn bản

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán căn bản là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kiểm toán như bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng của kiểm toán; các phương pháp kiểm toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kiểm toán; các hình thức tổ chức công tác kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tiếp cận nhanh với công việc kế toán – kiểm toán sau khi tốt nghiệp.

34. Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ ngân hàng thương mại là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại như cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê, bảo lãnh, quy trình tín dụng, nội dung của quy trình tín dụng, phân tích tín dụng; và các dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại. Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng thương mại để biết cách vận dụng, thực hành các bước của các quy trình kinh doanh của ngân hàng thương mại trong thực tế.

35. Học phần tự chọn 1 (Số tín chỉ: 3TC)

35.1. Tên học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) là một học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị HCSN. Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở đơn vị HCSN. Cách lập, đọc các báo cáo tài chính của các đơn vị HCSN.

35.2. Tên học phần: Kế toán ngân sách (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán ngân sách là một học phần dành cho sinh viên ngành kế toán, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kế toán ngân sách như: Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, kế toán thu - chi ngân sách xã, kế toán vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định; kế toán thanh toán, nguồn vốn, quỹ của xã; các loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách xã. Mỗi đối tượng đều cung cấp đầy đủ nội dung, nguyên tắc hạch toán, chứng từ kế toán, sổ sách, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh, kèm theo ví dụ minh họa thực tế. Giúp sinh viên có thể tự đọc, tự nghiên cứu để hình thành kiến thức chuyên môn của mình và tự tin khi ra trường làm các công việc kế toán tại các xã, phường.

CÁC HỌC PHẦN ÁP DỤNG CHO CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DNCN

32. Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp) (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/120/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở ngành (Chuyên ngành Quản trị DNCN) là học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

33. Tên học phần: Thương mại điện tử (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thương mại điện tử: Các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; Các vấn đề chính - pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và cung cấp giải pháp - trong các chiến lược phát triển thương mại điện tử; Các giải pháp công nghệ trong việc xây dựng các ứng dụng thương mại điện tử. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận, khai thác và sử dụng những thông tin mạng Internet phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

34. Tên học phần: Quản trị tài chính (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị tài chính là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần nghiên cứu các nội dung về quản trị tài chính của doanh nghiệp bao gồm quản trị vốn lưu động, vốn cố định, tính giá trái phiếu, cổ phiếu, phân tích báo cáo tài chính, ra quyết định đối với dự án mới, sản phẩm mới, thị trường mới.

35. Tên học phần: Văn hoá kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa trong kinh doanh, cụ thể về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được nội dung của văn hóa kinh doanh, vai trò và cách vận dụng các nội dung đó trong các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển kinh doanh bền vững cho doanh nghiệp.

III. KHỐI KIẾN THỨC NỀN TẢNG NÂNG CAO (Chuyên ngành)

III.1. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp

36. Tên học phần: Kế toán tài chính 1 (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kế toán tài chính 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán hàng tồn kho; kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Học phần này sẽ giúp sinh viên có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự giải quyết các vấn đề thay đổi về kế toán có liên quan đến một số phân hành kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

37. Tên học phần: Kế toán tài chính 2 (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Tóm tắt nội dung học phần: Kế toán tài chính 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán sau khi ra trường.

38. Tên học phần: Kế toán thuế (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Tóm tắt nội dung học phần: Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam (Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân, các sắc thuế đánh vào tài sản, cũng như một số loại thuế, phí trên thực tế khác). Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm rõ các vấn đề liên quan đến thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp.

39. Tên học phần: Kế toán máy (Số tín chỉ: 4 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 10/50/120

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán máy là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Kế toán trên Excel (các vấn đề cơ bản và ứng dụng trong kế toán); kế toán trên phần mềm kế toán Misa SME.NET (các ứng dụng trên các phần hành kế toán doanh nghiệp). Học phần trang bị kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong việc giải quyết các vấn đề kế toán dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

40. Tên học phần: Tổ chức công tác kế toán (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/30/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tổ chức công tác kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát chung về tổ chức công tác kế toán; tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và các hình thức kế toán; tổ chức công tác kế toán một số yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra kế toán. Thông qua các bài tập thực tế, học phần giúp cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết của một kế toán viên, kế toán tổng hợp khi làm thực tế sau tốt nghiệp.

41. Tên học phần: Đề án kế toán tài chính (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Kế toán tài chính là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, với các tình huống giả định được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế liên quan đến một số phần hành chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được thực hành thực tế, rèn luyện kỹ năng của một kế toán viên, củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần kế toán tài chính, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lập báo cáo.

42. Tên học phần: Đề án kế toán thuế (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Kế toán thuế

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế trong tình huống giả định liên quan đến một số loại thuế chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại, qua đó giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng mềm, lập báo cáo thuế theo đúng quy định hiện hành, đồng thời củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần trước đó.

43. Tên học phần: Kế toán quốc tế (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán Quốc tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế; Các hệ thống kế toán trên thế giới; Đặc điểm mô hình kế toán của một số nước trên thế giới; Đặc điểm cơ bản của kế toán Mỹ; Quy trình kế toán, các báo cáo kế toán cơ bản; Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản cố định, tài sản lưu động; Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu. Học phần này giúp sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kế toán trong điều kiện toàn cầu hóa, cũng như hội nhập quốc tế hiện nay.

44. Tên học phần: Học phần tự chọn 2 (Số tín chỉ: 3 TC)

44.1. Tên học phần: Kiểm toán tài chính (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán tài chính là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Mục tiêu của kiểm toán tài chính, bằng chứng kiểm toán, các công việc kiểm toán phải làm và các bằng chứng kiểm toán viên phải thu thập trong từng giai đoạn kiểm toán; Giới thiệu kiểm toán các khoản mục cơ bản, chủ yếu và các kết luận cùng các thuyết minh của kiểm toán viên trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được nội dung các hoạt động kiểm toán tài chính tại các doanh nghiệp.

44.2. Tên học phần: Kiểm toán nội bộ (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiểm toán nội bộ là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng theo định hướng kiểm toán cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Những vấn đề cơ bản về kiểm toán nội bộ, hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ với hoạt động kế toán trong đơn vị, quy trình kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ 1 số phần hành kế toán trong doanh nghiệp.

45. Tên học phần: Tự chọn 3 (Số tín chỉ: 3 TC)

45.1. Tên học phần: Kế toán xây dựng cơ bản (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán xây dựng cơ bản là một học phần dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung: vấn đề chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp và kế toán ở đơn vị chủ đầu tư; đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bàn giao công trình xây lắp và đặc điểm hạch toán doanh thu; xác định kết quả hoạt động xây lắp theo các phương thức kế toán trong xây dựng cơ bản theo chế độ hiện hành. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức công tác kế toán liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản tại các doanh nghiệp.

45.2. Tên học phần: Kế toán thương mại dịch vụ (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán thương mại dịch vụ là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về doanh nghiệp thương mại dịch vụ; kế toán mua bán hàng hóa trong nước, kế toán xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ. Học phần được xây dựng dựa trên các chuẩn mực, nguyên tắc kế toán Việt Nam hiện hành, qua đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng, giải quyết các tình huống, nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

46. Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua đi thực tế, tiếp cận công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, công ty sinh viên được trải nghiệm, so sánh thực tế công tác kế toán với lý thuyết đã học trên lớp từ đó phát hiện và kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

47. Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN (Số tín chỉ: 6 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/360/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

công nghiệp, thông qua tiếp cận thực tế một phần hành kế toán chuyên sâu dựa trên kết quả tập, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập, lập báo cáo, thuyết trình.

III.2. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp

36. Tên học phần: Quản trị chất lượng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chất lượng là một học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành kinh tế công nghiệp, đây là học phần phát triển các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm ba nội dung chính: những vấn đề chung về quản trị chất lượng (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp quản trị chất lượng); một số hệ thống quản trị chất lượng đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

37. Tên học phần: Quản trị nguồn nhân lực (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị nguồn nhân sự trình bày các kiến thức về nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn lực con người; xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động tác nghiệp về nhân sự cụ thể bao gồm phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

38. Tên học phần: Quản lý dự án (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự án, trình tự lập dự án, và các lĩnh vực quản lý dự án. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo khả thi dự án, thiết lập những công cụ quản lý dự án như: WBS, biểu đồ GANTT, sơ đồ mạng PERT/CPM, các công cụ quản lý chi phí và chất lượng dự án.

39. Tên học phần: Quản trị tác nghiệp (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 60/0/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp của nó như dự báo, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp, xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác.

40. Tên học phần: Khởi sự kinh doanh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những lí thuyết cơ bản về nghề kinh doanh và những kĩ năng cơ bản để trở thành một người chủ doanh nghiệp “thành đạt” trên nền kinh tế thị trường. Những yếu tố cần thiết để hình thành một ý tưởng kinh doanh tốt, khả thi có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp, hướng dẫn cách để có thể soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Khi đã hình thành được một bản kế hoạch kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải triển khai kế hoạch kinh doanh đó, sinh viên sẽ nắm được những cách thức để có thể triển khai hoạt động kinh doanh từ những bước căn bản nhất đến khi thực hiện được đúng với bản kế hoạch kinh doanh đã vạch ra từ trước.

41. Tên học phần: Quản trị chiến lược (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị chiến lược trình bày những tư tưởng chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược trong doanh nghiệp như: sứ mệnh, tầm nhìn, các chiến lược cơ bản, lợi thế cạnh tranh, giới thiệu các mô hình phân tích, lựa chọn chiến lược, cũng như mô tả các hoạt động tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

42. Tên học phần: Kỹ năng quản trị doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý là khoa học và nghệ thuật để giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình quản lý. Vấn đề quan trọng của nhà quản lý là cần biết cách thức phối hợp giữa các chức năng quản lý và kinh nghiệm công tác để hình thành các chức năng quản lý, dần biến thành các kỹ xảo để điều hành các kỹ năng quản lý. Học phần giới thiệu một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, kỹ năng động viên phê bình nhân viên, vấn đề thu thập thông tin ra quyết định quản lý, kỹ năng thuyết trình, đàm phán, giao nhiệm vụ.

43. Tên học phần: Đề án quản lý dự án (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên củng cố các kiến thức về quản lý dự án. Vận dụng các kiến thức về quản lý dự án, tìm hiểu mở rộng vốn kiến thức và áp dụng trong thực tiễn.

Đồng thời cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề thực tế. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm. Tập dượt cho việc làm đồ án tốt nghiệp sau này.

44. Tên học phần: Đề án quản trị tác nghiệp (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/120

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiên cứu và vận dụng các nội dung đã nghiên cứu trong học phần Quản trị tác nghiệp để giải quyết các bài toán trong thực tế trong một đơn vị như tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, đặc trưng sản phẩm và lựa chọn công nghệ, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp để từ đó đưa ra các quyết định như hoạch định tổng hợp, hoạch định nguyên vật liệu, điều độ sản xuất

45. Tên học phần: Quản trị chuỗi cung ứng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng. Cấu trúc và hoạt động của chuỗi, vai trò, trách nhiệm cũng như ảnh hưởng của mỗi thành viên trong cơ cấu chi phí, giá trị và lợi nhuận của chuỗi; quy trình xây dựng hệ thống hoạt động của chuỗi. Một số mô hình tổ chức hoạt động của chuỗi. Các hoạt động chính trong quản trị chuỗi: Lập kế hoạch, tìm nguồn cung ứng, điều hành sản xuất và điều phối tiêu thụ sản phẩm. Hệ thống thông tin và quá trình phối hợp, hợp tác hoạt động của chuỗi. Phân tích đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm hay của tổ chức, nâng cao chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

46. Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những

vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

47. Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN (Số tín chỉ: 6 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 0/360/180*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Quản trị DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong doanh nghiệp, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của doanh nghiệp, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của doanh nghiệp.

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

I. TÀI NGUYÊN CON NGƯỜI, CƠ CỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

1. Đội ngũ giảng viên

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần đại cương

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú (cơ hữu/thỉnh giảng)
1	Nguyễn Thị Phương, 1984, Phó trưởng bộ môn	Thạc sĩ	Toán giải tích	Khoa khoa học cơ bản	
2	Vũ Hồng Quân, 1984, Trưởng bộ môn	Thạc sĩ	Toán giải tích	Khoa khoa học cơ bản	
3	Vũ Thị Hoa, 1988	Thạc sĩ	GDTC	Khoa khoa học cơ bản	
4	Vũ Thế Khiêm, 1986	Thạc sĩ	GDTC	Khoa khoa học cơ bản	
5	Hoàng Thị Hải Yến, 1988, Tổ trưởng	Thạc sĩ	Kinh tế Chính trị	Bộ môn LLCT	
6	Ngô Minh Thương, 1988	Tiến sĩ	Triết học	Bộ môn LLCT	
7	Phạm Thị Cẩm Ly, 1980	Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học	Bộ môn LLCT	
8	Nguyễn Thị Vân, 1984, Phó trưởng bộ môn	Thạc sĩ	Lịch sử ĐCS Việt Nam	Bộ môn LLCT	
9	Ngô Thị Hồng Ánh, 1977, Tổ trưởng	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Bộ môn LLCT	
10	Dương Thị Thùy Linh, 1986	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Bộ môn LLCT	
11	Phùng Thị Thu Hà, 1975, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Khoa Quốc tế	
12	Hoàng Hương Ly, 1982, Phó trưởng bộ môn	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Khoa Quốc tế	

b) Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần giáo dục chuyên nghiệp

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú (cơ hữu/thỉnh giảng)
1	Ngô Thuý Hà, 1974, Trưởng khoa	Tiến sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	

2	Nguyễn Thị Kim Huyền, 1985, P.Trưởng bộ môn phụ trách BM	Tiến sĩ	Kế toán	Khoa KTCN	
3	Nguyễn Thị Hồng, 1988	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa KTCN	
4	Dương Hương Lam, 1984	Thạc sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	
5	Ma Thị Thu Thủy, 1986	Thạc sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	
6	Nguyễn Thị Thanh Hà, 1981, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	Kinh tế	Khoa KTCN	
7	Nguyễn Thị Hoàng Oanh, 1982	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Khoa KTCN	
8	Phan Thị Thanh Tâm, 1987	Tiến sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	
9	Phạm Việt Hương, 1992	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Khoa KTCN	
10	Trần Thị Thu Huyền 1986, Phó trưởng khoa	Thạc sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	
11	Phạm Thị Minh Khuyên, 1986	Thạc sĩ	Marketing	Khoa KTCN	
12	Nguyễn Thị Hồng Nhung, 1984, Phó Trưởng bộ môn phụ trách BM	Thạc sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	
13	Phạm Thị Mai Yến, 1977	Tiến sĩ	Kinh doanh thương mại	Khoa KTCN	
14	Bùi Thị Phương Hồng, 1986	Thạc sĩ	Quản trị KD	Khoa KTCN	

2. Hệ thống công nghệ thông tin-thư viện

Bảng 2. Danh mục Tài liệu học tập

STT	Tên HP	Số TC	Tài liệu học tập	TV trường	TTHL (ĐHTN)	Bộ môn
1	Triết học Mác - Lênin	3	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình môn Triết học Mác - Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.	x		
			Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i> ; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.	x		
			Trương Văn Phước, <i>Hướng dẫn ôn thi môn triết học Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội; 2000.	x		
			Trần Văn Phòng, Nguyễn Thế Kiệt, <i>Hỏi đáp môn triết học Mác - Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.	x		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021.	x		
			Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> ; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.	x		
			C.Mác và Ph. Ăngghen: <i>Toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.4,8,12,13,20,25,46.	x		
			Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc, <i>Hướng dẫn ôn tập môn kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.	x		

2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	An Như Hải, <i>Hỏi đáp môn kinh tế chính trị</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.	x		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo; <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội; 2021.	x		
			Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> ; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; 2008.	x		
			C.Mác và Ph. Ăngghen: <i>Toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội; 2004, t.1,4,6,23,31,33,38,39.	x		
			TS. Nguyễn Thị Thu Thủy, <i>Phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa ở vùng Đồng bằng Sông Hồng hiện nay</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.	x		
			An Như Hải, <i>Hỏi đáp môn kinh tế chính trị</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.	x		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021	x		
			Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.	x		
			Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng: Toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 - 2004, T1,2,3,4, 6, 9, 13, 14, 15, 16, 17,18, 19,20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 33	x		

4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011	x		
			Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016	x		
			Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.	x		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2021	x		
			Hồ Chí Minh, <i>Toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội, 2004	x		
			Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i> , NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội, 1997-2010	x		
6	Xác suất và thống kê	2	Nguyễn Cao Văn; Trần Thái Ninh - <i>Giáo trình lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán - Nhà xuất bản Thống kê</i> , Hà Nội 2005.	x		
			Bài giảng môn Xác suất thống kê, do bộ môn Toán trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp biên soạn.	x		
			Douglas C.Montgomery, George C.Runger, <i>Applied Statistics and Probability for Engineers</i> , 3 rd , 2002.			
			Sheldon M.Ross, <i>Probability and statistics for Engineers and Scientists</i> , Department of Industrial Engineering and Operations Research University of California, Berkeley, 2004			

7	Tiếng Anh 1	3	Helen Stephenson, Paul Dumentt, John Hughes, Life – A1-A2 - <i>Student's Book National Geographic Learning</i> , 2015.			
			Bộ môn Ngoại ngữ-Khoa Quốc tế-ĐHKTCN, <i>Tiếng Anh Cơ bản và Bài tập Bổ trợ - Trình độ A2 (Tập 1)</i> . NXB ĐHTN, 2020	x		
			McCarthy M. and O'Dell F. <i>English Vocabulary in Use - Elementary</i> . Cambridge University Press, 2004.	x		
			Murphy, R. <i>Essential Grammar in Use</i> . Cambridge University Press, 2004.			
			Jack C. Richards. <i>Basic Tactics for Listening – Second edition</i> . Oxford University Press, 2003			
8	Tiếng Anh 2	3	Helen Stephenson, Paul Dumentt, John Hughes, Life – A1-A2 - <i>Student's Book National Geographic Learning</i> , 2015.	x		
			Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Quốc tế - ĐHKTCN, <i>Tiếng Anh Cơ bản và Bài tập Bổ trợ - Trình độ A2 (Tập 2)</i> . NXB Hà Nội, 2021			
			McCarthy M. and O'Dell F. <i>English Vocabulary in Use - Elementary</i> . Cambridge University Press, 2004.	x		
			Murphy, R. <i>Essential Grammar in Use</i> . Cambridge University Press, 2004.	x		
			Jack C. Richards. <i>Basic Tactics for Listening – Second edition</i> . Oxford University Press, 2003	x		

9	Tiếng Anh 3	3	Emma Heyderman, Peter May. <i>Complete PET - Student's Book</i> . Cambridge University Press, 2010.			
			Colins. <i>Work on your Vocabulary – B1</i> . Pulished in Vietnam, 2013.			
			John Eastwood, <i>Oxford Practice Grammar – Second edition</i> . Oxford University Press, 1999			
			Louise Hashemi, Barbara Thomas. <i>Objective - Student's Book</i> . Cambridge University Press.			
			Murphy, R. <i>Essential Grammar in Use</i> . Cambridge University Press, 2004.			
10	Tin học trong Kinh tế công nghiệp	3	Giáo trình hướng dẫn sử dụng Excel 2010/ Microsoft Việt Nam, 2010			Ebook
			Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010/ Microsoft Việt Nam, 2010			Ebook
			Giáo trình hướng dẫn sử dụng Power Point 2010/ Microsoft Việt Nam, 2010			Ebook
			Tin học ứng dụng/ Trần Công nghiệp, 2010			Ebook
11	Tin học trong Kinh tế công nghiệp	3	Phân tích hoạt động kinh doanh bằng excel/ Carlberg (sách dịch), 2006			x

			Kế toán doanh nghiệp với excel/Tổng hợp và biên dịch VN- Guide, 2007			x
12	Pháp luật đại cương	2	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2017	x		
			Trường Đại học Luật Hà Nội; <i>Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật</i> ; NXB Công an nhân dân; 2013.	x		
			Các văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành có liên quan đến từng Chương của Học phần.	x		
			Ngô Thị Hồng Ánh (chủ biên), <i>Hướng dẫn bài tập Pháp luật đại cương</i> , NXB Đại học Thái Nguyên, 2020.	x		
13	Giáo dục thể chất bắt buộc	2	Nguyễn Đại Dương, <i>Điền kinh</i> , Nhà xuất bản TĐTT, 2006	x		
			Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> , Nhà xuất bản TĐTT, 2009.	x		
			Ủy ban Thể dục thể thao; <i>Luật thi đấu Điền kinh</i> ; NXB Thể dục thể thao; 2008.	x		
14.1	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1)</i>	2	Bộ môn Bóng chuyền Trường ĐH TĐTT I, <i>Giáo trình giảng dạy Bóng chuyền</i> , 2008.	x		
			<i>Giáo trình bóng chuyền</i> – NXB Thể dục thể thao, 2006.	x		
			Vũ Đức Thu (1998), <i>Tài liệu giảng dạy bóng chuyền trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp</i> , NXB TĐTT, năm 2008.			

14.1	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1)</i>	2	Ủy ban TDTT, Luật thi đấu bóng chuyền , NXB Thể dục thể thao, 2013.	x		
14.2	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng đá 1)</i>	2	Trần Đức Dũng; <i>Giáo trình Bóng đá</i> ; NXB Thể dục thể thao; 2007.	x		
			<i>Hướng dẫn tập luyện kỹ chiến thuật môn bóng đá</i> , NXB Thể dục thể thao, 2010.			
			Nguyễn Thiệt Tình; <i>Huấn luyện giảng dạy môn bóng đá</i> – NXB TDTT 1997.			
			Ủy ban Thể dục thể thao; <i>Luật thi đấu Bóng đá</i> ; NXB Thể dục thể thao; 2007	x		
14.3	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1)</i>	2	Đình Can và Đỗ Mộng Ngọc, <i>Những bài tập kỹ chiến thuật Bóng rổ</i> , NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2001.	x		
			Phạm Văn Thảo, <i>Giảng dạy và tập luyện kỹ thuật Bóng rổ</i> , NXB Thể dục thể thao, 2012.			
			Nguyễn Văn Trung và cộng sự, <i>Giáo trình Bóng rổ</i> , NXB Thể dục thể thao, 2003.	x		
			Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng rổ</i> , NXB Thể dục thể thao, 2010.	x		
14.4	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1)</i>	2	Bộ môn cầu lông Trường ĐH TDTT I, <i>Giáo trình giảng dạy cầu lông</i> , 2008.	x		
			<i>Giáo trình cầu lông</i> , NXB Thể dục thể thao, 2003.			

14.4	<i>Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1)</i>	2	Lê Thanh Sang, <i>Tập đánh cầu lông</i> , NXB Thể dục thể thao, 2010.			
			Ủy ban TDTT, <i>Luật cầu lông</i> , NXB Thể dục thể thao, 2010.	x		
15.1	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	2	PGS. TS Trần Việt Tiên; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2016			x
			PGS. TS. Trần Bình Trọng; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2012.			x
			PGS.TS Mai Ngọc Cường; Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Lý luận Chính trị; 2005.		x	
			Trần Bình Trọng; Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế; NXB Chính trị quốc gia; 2003	x		
15.2	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp</i>	2	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp (cập nhật định kỳ).	x		
15.3	<i>Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp</i>	2	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế công nghiệp (cập nhật định kỳ).	x		
			Ngô Thế Chi, Phạm Văn Đăng; Kế toán Việt Nam – Quá trình hình thành và phát triển (Phần I); Nhà xuất bản Tài chính; 2012.			x
			Ngô Thế Chi; Phạm Văn Đăng, Kế toán Việt Nam – Quá trình hình thành và phát triển (Phần II); Nhà xuất bản Tài chính; 2012.			x

16	Kỹ thuật điện đại cương	3	Giáo trình nội bộ: Bài giảng môn học Kỹ thuật điện đại cương do Bộ môn Kỹ thuật điện biên soạn.			
			Đặng Văn Đào; <i>Kỹ thuật điện</i> ; NXB Khoa học và Kỹ thuật; Hà nội 2001.			
			Nguyễn Bình Thành; <i>Cơ sở lý thuyết mạch - tập 1</i> ; NXB Khoa học và Kỹ thuật			
			John Bird, <i>Electric circuit theory and Technology</i> - USA - 2010.			
			Stephen J. Chapman; <i>Electric Machinery Fundamentals</i> , Fourth editor; Published by McGraw-Hill, New York, USA, 2005.			
17	Luật kinh doanh	2	TS Nguyễn Hợp Toàn (chủ biên), <i>Giáo trình Pháp luật Kinh tế</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.	x		
			Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam (Tập I, II)</i> , Nhà xuất bản công an nhân dân, 2018.	x		
			Các văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành có liên quan đến từng Chương của Học phần.	x		
18	Toán Kinh tế	3	Hoàng Đình Tuấn ; <i>Lý thuyết mô hình toán kinh tế</i> ; NXB Thống kê; 2003.	x		
			Quy hoạch tuyến tính: <i>Giáo trình hoàn chỉnh, lý thuyết cơ bản, phương pháp đơn hình, bài toán mạng, thuật toán</i> ; NXB Giáo dục; 2000	x		

18	Toán Kinh tế	3	Nguyễn Đức Nghĩa; Tối ưu hoá: Quy hoạch tuyến tính và rời rạc; NXB Khoa học kỹ thuật; 1998.	x		
			PGS. TS. Bùi Minh Trí; Toán kinh tế; NXB Bách Khoa Hà Nội; 2008;			x
			PGS. TS. Ngô Quang Dong, Ngô Văn Thứ, PGS. TS. Hoàng Đình Tuấn; Giáo trình Mô hình toán kinh tế; NXB Thống kê Hà Nội; 2006;			x
			GS. Trần Túc; Giáo trình Quy hoạch tuyến tính; NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân; 2010.			x
19	Kinh tế học vi mô	3	Bộ giáo dục đào tạo; Kinh tế học vi mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010	x		
			TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2006.	x		
			Nguyễn Đại Thắng; Giáo trình kinh tế học vi mô; NXB Khoa học và kỹ thuật; 2010.	x		
			Phạm Văn Minh, Hồ Đình Bảo; Bài tập kinh tế vi mô chọn lọc theo giáo trình Kinh tế học vi mô: dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Thống kê; 2010.	x		
20	Kinh tế học vĩ mô	3	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010	x		

20	Kinh tế học vĩ mô	3	PGS. TS. Vũ Kim Dũng, PGS TS Nguyễn Văn Công; Giáo trình Kinh tế học (tập II); NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2016.			X
			PGS. TS. Nguyễn Văn Công; Bài tập Nguyên lý kinh tế học vĩ mô: Sách dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2009.		X	
			PGS. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vĩ mô; NXB Lao động, 2009.	X		
21	Đề án Kinh tế học	1	Bộ giáo dục đào tạo; Kinh tế học vi mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.	X		
			Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2010.	X		
			TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô; NXB Lao Động; 2006.	X		
			PGS. TS. Vũ Kim Dũng; Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vĩ mô; NXB Lao động, 2009.		X	
22	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	PGS.TS. Cao Thị Ý Nhi, TS. Đặng Tuấn Anh; Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ; NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân; 2017.			X
			Tạ Duy Liêm; Giáo trình lý thuyết Tài chính tiền tệ; NXB Bách Khoa Hà Nội; 2019.	X		
			Lê Văn Tề; Giáo trình Lý thuyết Tài chính- tiền tệ; NXB Phương Đông; 2011.			X

22	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Nguyễn Hữu Tài; Giáo trình Tài chính - tiền tệ; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2012.		x	
23	Marketing căn bản	3	Chủ biên GS.TS Trần Minh Đạo; <i>Marketing căn bản</i> ; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2012.			x
			Philip Kotler, Gary Armstrong; Principle of Marketing; (17th Edition); Pearson Prentice Hall; 2017.			PDF
			Philip Kotler, Kevin Keller; Marketing Management (14th Edition), Prentice Hall; năm 2012.			x
			Philip Kotler; Thấu hiểu tiếp thị từ A đến Z – Biên dịch: Lê Hoàng Anh; NXB Trẻ; 2004.			x
			PGS.TS.Trương Đình Chiến; Quản trị Marketing; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2012.			x
			Phan Thăng, Phan Đình Quyền; <i>Marketing căn bản</i> , NXB Khoa học kỹ thuật; 2000	x		
24	Nguyên lý kế toán	3	PGS. TS Võ Văn Nhị, TS Phạm Ngọc Toàn, TS Trần Thị Thanh Hải; Nguyên lý kế toán; NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; 2018.			x
			Phạm Thành Long; Giáo trình nguyên lý kế toán: Dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế; NXB Giáo dục; 2009.	x		
			Nguyễn Việt, Hà Xuân Thạch; Bài tập và bài giải kế toán đại cương; NCB Giáo dục; 1998.	x		

24	Nguyên lý kế toán	3	Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
			Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
			Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
25	Nguyên lý thống kê	2	PGS.TS Trần Thị Kim Thu; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2016.			x
			PGS. TS Trần Ngọc Phác; PGS.TS Trần Thị Kim Thu; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Thống kê; 2006.		x	
			PGS.TS Phạm Ngọc Kiểm; PGS TS Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Lý thuyết thống kê; NXB Giáo dục; 2008.		x	
25	Thống kê doanh nghiệp	3	PGS.TS Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2017.		x	
			GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Thông tin và truyền thông, 2009.	x		
			GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm, Nguyễn Công Nhự; Giáo trình Thống kê doanh nghiệp; NXB Giáo dục; 2008.			x

26	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	PGS. TS Nguyễn Năng Phúc; Phân tích kinh doanh – Lý thuyết và thực hành; NXB Tài chính; 2007.		x	
			Phạm Thị Gái; Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh; Nhà xuất bản Thống kê; 2004.	x		x
			GS. TS Nguyễn Văn Công; Giáo trình Phân tích kinh doanh; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2013.		x	
			Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2001.	x		
27	Tài chính doanh nghiệp	3	PGS.TS Vũ Duy Hào, ThS. Trần Minh Tuấn; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2019.		x	
			Trần Đình Tuấn; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB Đại học Thái Nguyên; 2008.		x	
			PGS.TS. Bùi Văn Vân, PGS.TS Vũ Văn Ninh; Giáo trình Tài chính doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2015.			x
			Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào; Tài chính doanh nghiệp; NXB Thống kê; 2007.	x		
28	Quản trị học	3	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền; Giáo trình Quản trị học; NXB Tài Chính; 2009.			x
			Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đỗ Thị Hải Hà; Giáo trình Quản lý học; NXB ĐH Kinh tế Quốc dân; 2015.			x

28	Quản trị học	3	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền; Giáo trình Quản trị học; NXB Tài Chính; 2006	x		
29	Kinh tế lượng	3	PGS. TS Nguyễn Quang Dong; Bài giảng Kinh tế lượng; NXB Giao thông vận tải; 2008.			x
			GS. TS. Nguyễn Quang Dong và TS. Nguyễn Thị Minh; Giáo trình Kinh tế lượng; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2015.			x
			Trường ĐH Kinh tế quốc dân; Bài tập kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews; NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2009.	x		
			GS. TS Nguyễn Quang Dong; Bài giảng Kinh tế lượng; NXB Thống kê; 2001.	x		
30	Kế toán quản trị 1	4	PGS.TS. Phạm Văn Dược; Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2006.			x
			TS. Phạm Văn Dược; Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2000.			x
			PGS.TS. Vương Đình Huệ, TS. Đoàn Xuân Tiên; Kế toán quản trị; NXB Tài chính; 1999.			x
			TS. Huỳnh Lợi; Hệ thống bài tập và bài giải Kế toán quản trị; NXB Thống kê; 2008.			x
			PGS.TS. Đào Văn Tài, TS. Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa; Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam; NXB Tài chính; 2003.			x

30	Kế toán quản trị 1	4	TS. Huỳnh Lợi, TS. Nguyễn Khắc Tâm; TS. Võ Văn Nhị hiệu đính; Kế toán quản trị; NXB Tài chính; 2001	x		
			Chuyên ngành: Kế toán DNCN			
31	TTCS ngành (chuyên ngành Kế toán DNCN)	2	Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
			Bộ Tài chính; 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính; 2008.			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
			Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
32	Kiểm toán căn bản	3	PGS. TS Nguyễn Quang Quynh (chủ biên); Lý thuyết kiểm toán; Đại học kinh tế quốc dân Hà nội; NXB Tài chính; 2001			x
			TS. Vũ Hữu Đức và Ths; Võ Anh Dũng (Đồng chủ biên); Kiểm toán; Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh; NXB Thống kê; 2005.			x

32	Kiểm toán căn bản	3	PGS. TS. Nguyễn Việt; Kiểm toán; Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh; NXB Tài chính; 2007			X
			TS Nguyễn Phúc Sinh (chủ biên); Kiểm toán đại cương; Tổng liên đoàn lao động VN; Trường đại học Tôn Đức Thắng; 2007			X
			Bộ Tài chính; 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính; 2008.			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
			Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam			https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Thong-tu-214-2012-TT-BTC-he-thong-chuan-muc-kiem-toan-Viet-Nam-179084.aspx
33	Nghị vụ ngân hàng thương mại	2	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà; Giáo trình ngân hàng thương mại; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2013.			X
			Lê Văn Tư; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; NXB Tài chính Hà Nội; 2005.		X	
			Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy; Nguyễn Thị Tuyết Nga; Nguyễn Văn Kiên; Bài tập và bài giải nghiệp vụ ngân hàng thương mại tín dụng ngân hàng; TP.Hồ Chí Minh Đại học Quốc gia; 2007.		X	

33	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	Nguyễn Đăng Dờn, Hoàng Đức; Trần Huy Hoàng; Trần Xuân Hương; Tín dụng ngân hàng Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; Hà Nội Thống kê; 2005.			x
34.1	<i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Đông, Giáo trình Kế toán công trong đơn vị hành chính – sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018			x
			PGS. TS Võ Văn Nhị, TS. Phạm Ngọc Toàn, ThS. Lê Quang Mẫn, ThS. Nguyễn Thị Huyền Trâm, ThS. Hồ Xuân Hữu (Đồng chủ biên); Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018			x
			Bộ Tài chính, Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, NXB Tài chính; 2017			Ebook
			PGS. TS Võ Văn Nhị, TS. Phạm Ngọc Toàn (Đồng chủ biên); Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp 128 sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp; NXB Tài chính; 2018;			x
			Luật kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17/06/2003; Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI.			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
34.2	<i>Kế toán ngân sách</i>	3	PGS. TS. Trần Đình Tuấn (chủ biên); Giáo trình kế toán ngân sách; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016.		x	
			Đặng Thái Hùng; Hệ thống kế toán ngân sách xã; NXB Tài		x	

			chính; 2007			
			Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ tài chính			https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-70-2019-tt-btc-huong-dan-che-do-ke-toan-ngan-sach-va-tai-chinh-xa-177462-d1.html
34.2	Kế toán ngân sách	3	Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
			Bộ Tài chính; 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính; 2008.			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
35	Kế toán tài chính 1	3	PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010	x		
			Nguyễn Thị Kim Huyền, Ngô Thuý Hà, Dương Hương Lam, Ma Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hồng; Giáo trình kế toán tài chính (Phần I); NXB Đại học Thái Nguyên; 2021.			Bản PDF
			PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.	x		

35	Kế toán tài chính 1	3	Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.	x		
			Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
			Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
36	Kế toán tài chính 2	3	PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010	x		
			PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.	x		
			Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.	x		
			Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
			Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x

37	Kế toán thuế	3	PGS.TS Nghiêm Văn Lợi; Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2008.			x
			PGS.TS. Võ Văn Nhi; Thuế và Kế toán thuế - Áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam; NXB Giao thông vận tải; 2010.			x
			TS.Nguyễn Thanh Sơn-ThS. Nguyễn Văn Nông; Giáo trình Thuế; NXB Lao động - xã hội; 2016.			x
			PGS.TS. Phan Thị Cúc – TS. Phan Hiền Minh – ThS. Đoàn Văn Đính – ThS. Võ Văn Hợp; Thuế; NXB Tài chính; 2009.			x
			TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; Thuế thực hành; NXB Thống kê; 2008.			x
			Hệ thống văn bản pháp luật về Thuế			https://www.gdt.gov.vn/wps/portal
38	Kế toán máy	4	Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT bằng Excel/ PGS. Bùi Văn Dương, PGS.TS. Võ Văn Nhi, NXB Tài chính, Năm 2008.			ebook
			Giáo trình Kế toán toán số - Kế toán doanh nghiệp/ Công ty cổ phần Misa, NXB văn hóa thông tin Hà Nội, Năm 2021.			ebook
			Tổng hợp và biên dịch VN - Guide; Kế toán doanh nghiệp với Excel (Sách tái bản); NXB Thống kê; Năm 2011			x
			Tổng cục thuế: Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; Năm 2015.			x

38	Kế toán máy	4	Tổng cục thuế: Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; Năm 2015.			x
			Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT bằng Excel/ PGS. Bùi Văn Dương, PGS.TS. Võ Văn Nhị, NXB Tài chính, Năm 2008.			ebook
39	Tổ chức công tác kế toán	4	TS. Lưu Đức Tuyên, TS Ngô Thị Thu Hồng; Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2011.			x
			GVC Ngô Thúy Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thủy, Phạm Thị Mai Yên; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016			x
			Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
			Bộ Tài chính; 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính; 2008.			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x

39	Tổ chức công tác kế toán	4	Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
40	Đề án kế toán tài chính	1	GVC Ngô Thúy Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thủy, Phạm Thị Mai Yên; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016			x
			Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
			26 chuẩn mực kế toán Việt Nam			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015			x
			Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015			x
41	Đề án kế toán thuế	1	Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198

41	Đề án kế toán thuế	1	26 chuẩn mực kế toán Việt Nam			https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/7051/he-thong-26-chuan-muc-ke-toan-viet-nam
			Bộ tài chính; Hệ thống văn bản pháp luật về Thuế GTGT			https://www.gdt.gov.vn/wps/portal
			Tổng cục thuế; Luật quản lý thuế.			
42	Kế toán quốc tế	3	TS. Nguyễn Phú Giang; Kế toán Quốc tế; NXB Tài chính; 2012.			x
			Đặng Kim Cương; Nguyên lý kế toán Mỹ; NXB Thống kê; 2008.			x
			TS. Phan Đức Dũng; Kế toán Mỹ (Đối chiếu kế toán Việt Nam); NXB Thống kê; 2007.			x
			ThS. Phạm Thanh Liêm, ThS. Vũ Thu Hằng, ThS. Phạm Quang Huy, ThS. Nguyễn Thị Thu; Giáo trình Kế toán Mỹ; NXB Phương Đông; 2012.			x
			Andrew Thomas & Anne Marie Ward; Introduction to Financial Accounting; Mc Graw Hill Education; 2012.			x
43.1	Kế toán xây dựng cơ bản	3	PGS.TS.Võ Văn Nhị; Kế toán doanh nghiệp xây lắp, kế toán đơn vị chủ đầu tư; NXB Tài chính; 2009.			x
			Bộ Tài chính; Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư trong các doanh nghiệp; NXB Tài chính; 2013.			x

43.1	<i>Kế toán xây dựng cơ bản</i>	3	TS.Đỗ Minh Thành; Kế toán xây dựng cơ bản; Nhà xuất bản Thống kê; 2005.			x
			PGS.TS. Võ Văn Nhi; Kế toán doanh nghiệp xây lắp; NXB Giao thông vận tải; 2008.			x
43.2	<i>Kế toán thương mại dịch vụ</i>	3	Nguyễn Thị Lôi, Ma Thị Hường (chủ biên); Giáo trình kế toán tài chính 3; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016		x	
			TS. Trần Phước; Kế toán thương mại dịch vụ; NXB Tài chính; 2010;			x
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;			x
			Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
44.1	<i>Kiểm toán tài chính</i>	3	GS.TS. Nguyễn Quang Quỳnh, PGS.TS. Ngô Trí Tuệ; Giáo trình Kiểm toán tài chính; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; 2011.			x
			TS. Phạm Trung Kiên; Kiểm toán Lý Thuyết và thực hành; NXB Tài chính; 2011.			x
			TS. Phạm Trung Kiên; Bài tập Kiểm toán chọn lọc; NXB Tài chính; 2012.			x

44.1	Kiểm toán tài chính	3	Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp; NXB Khoa học xã hội; 2015.			x
44.2	Kiểm toán nội bộ	3	Đỗ Thị Thuý Phương; Giáo trình Kiểm toán nội bộ; NXB Đại học Thái Nguyên; 2016		x	
			PGS. TS. Nguyễn Hữu Ánh (chủ biên); Giáo trình Kiểm soát nội bộ; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2021			x
			PGS. TS. Nguyễn Phú Giang; TS. Nguyễn Trúc Lê; Kiểm toán nội bộ; NXB Tài chính; 2015			x
			Chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ			https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Thong-tu-8-2021-TT-BTC-chuan-muc-kiem-toan-noi-bo-Viet-Nam-428959.aspx
45	TTTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3	Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;			x
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;			x
			Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015			x

46	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6	PGS. TS. Đặng Thị Loan; Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp (Dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán); NXB ĐH Kinh tế quốc dân; 2010.	x		
			Nguyễn Thị Kim Huyền, Ngô Thuý Hà, Dương Hương Lam, Ma Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hồng; Giáo trình kế toán tài chính (Phần I); NXB Đại học Thái Nguyên; 2021.			Bản PDF
			PGS.TS Nguyễn Văn Công; Kế toán doanh nghiệp, lý thuyết, bài tập mẫu và bài giải; NXB Thống kê; 2000.	x		
			Võ Văn Nhị (chủ biên); Kế toán tài chính: Sử dụng cho sinh viên chuyên ngành kế toán và sinh viên khối kinh tế; NXB Thống kê; 2001.	x		
			GVC Ngô Thuý Hà, Đặng Quỳnh Trinh, Nguyễn Thị Kim Huyền, Ma Thị Thu Thủy, Phạm Thị Mai Yên; Tổ chức công tác kế toán; NXB Chính trị quốc gia; 2016.			x
			Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật kế toán, Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;			https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183198
			Tổng cục thuế; Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015;			x
			Tổng cục thuế; Chế độ kế toán doanh nghiệp (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính); NXB Khoa học xã hội; 2015			x

Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp công nghiệp						
31	Thương mại điện tử	2	Nguyễn Văn Hồng; Giáo trình thương mại điện tử căn bản; Nhà xuất bản Bách Khoa Hà nội; 2013			x
			Nguyễn Thị Tuyết Mai; Thương mại điện tử; Nhà xuất bản KHKT; 2003			x
32	Quản trị tài chính	3	GS. TS. Phạm Quang Trung; Quản trị tài chính doanh nghiệp; NXB Kinh tế quốc dân; 2012			x
			Nguyễn Văn Công; Giáo trình phân tích báo cáo tài chính; NXB Thống kê; 2010;	x		
			Vũ Duy Hào, Đàm Văn Khuê; Quản trị tài chính doanh nghiệp; NXB Giao Thông vận tải; 2009;			x
			Hồ Tấn Tuyền, Lê Đức Toàn; Bài tập quản trị tài chính: tóm tắt lý thuyết, bài tập và bài giải mẫu; NXB Thông tin truyền thông; 2011.		x	
33	Văn hoá kinh doanh	3	Bài giảng Văn hóa kinh doanh; NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2008			x
			Edgar H. Schien, Organizational Culture and Leadership, 4th edition; 2010.			x
			Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012			x
34	Quản trị chất lượng	3	TS. Đặng Ngọc Cự, GS.TS Nguyễn Đình Phan; Giáo trình Quản trị chất lượng; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2012.			x

34	Quản trị chất lượng	3	Nguyễn Đình Phan; Giáo trình quản lý chất lượng trong các tổ chức; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2005.			x
			Đặng Đình Cung; Bảy công cụ quản lý chất lượng; Nhà xuất bản trẻ; 2002.			x
			David L. Goetsch, Stanley Davis; Quality Management for Organizational Excellence: Introduction to Total Quality: International Edition; 8/E.			x
35	Quản trị nguồn nhân lực	3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân và ThS. Nguyễn Văn Điềm; Giáo trình Quản trị nhân sự; NXB Lao động xã hội; 2018			x
			Gary Dessler, Human Resource Management; 14th Edition – global edition; Florida International University; Pearson; 2015			x
			PGS.TS. Trần Kim Dung; Quản trị nguồn nhân lực; NXB Thống kê - TP Hồ Chí Minh; 2011.			x
36	Quản lý dự án	4	PGS. TS Từ Quang Phương; Giáo trình quản lý dự án; Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân; 2008			x
			Eric Verzuh; MBA trong tầm tay, chủ đề Quản lý dự án; NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh; 2008.			x
37	Quản trị tác nghiệp	4	TS.Trương Đức Lực, TS.Nguyễn Đình Trung; Giáo trình quản trị tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2014.			x
			PGS.TS. Trương Đoàn Thử; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Giáo dục; 2010.			x

37	Quản trị tác nghiệp	4	TS. Nguyễn Đình Trung; Bài tập quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2007.			x
			TS. Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị sản xuất; NXB Tài chính; 2006.			x
			S. Anil Kumar & N.Suresh; Operation management; New age international publishers; 2008.			x
38	Khởi sự kinh doanh	3	PGS. TS Nguyễn Ngọc Huyền; Giáo trình khởi sự kinh doanh; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân; Năm 2012			x
			TS Phạm Văn Trung; Giáo trình Khởi sự doanh nghiệp; NXB Giao thông vận tải; Năm 2005;			x
			Trần Văn Trần, Bùi Anh Tuấn, Đặng Hồng Thuý, Phan Thuý Chi; Cẩm nang khởi sự kinh doanh & Quản trị doanh nghiệp; NXB ĐHQG Hà Nội 2005			x
39	Quản trị chiến lược	3	PGS. TS. Ngô Kim Thanh; Giáo trình Quản trị chiến lược; Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân; 2011.			Ebook
			Fred R. David; Strategic Management - A Competitive Advantage Approach, Concepts and Cases, 14 th Edition; Prentice Hall; 2012.			Ebook
			PGS. TS. Lê Thế Giới và TS. Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị chiến lược; NXB Thống kê; năm 2009.			Ebook
40	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	PGS. TS. Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung; Kỹ năng quản trị; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2011.			x

40	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	3	PGS. TS Nguyễn Cúc; Kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; NXB Lý luận chính trị; 2005.			x
			PGS. TS Dương Thị Liễu; Kỹ năng thuyết trình; NXB Kinh tế quốc dân; 2009.			x
41	Đề án Quản lý dự án	1	PGS. TS Từ Quang Phương; Giáo trình quản lý dự án; Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân; 2008			
			Eric Verzuh; MBA trong tầm tay, chủ đề Quản lý dự án; NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh; 2008			
42	Đề án Quản trị tác nghiệp	1	TS.Trương Đức Lực, TS.Nguyễn Đình Trung; Giáo trình quản trị tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2014.			x
			PGS.TS. Trương Đoàn Thê; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Giáo dục; 2010.			x
			TS. Nguyễn Đình Trung; Bài tập quản trị sản xuất và tác nghiệp; NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 2007.			x
			TS. Nguyễn Thanh Liêm; Quản trị sản xuất; NXB Tài chính; 2006.			x
			S. Anil Kumar & N.Suresh; Operation management; New age international publishers; 2008.			x
43	Quản trị chuỗi cung ứng	3	John J. Coyle, Edward J. Bardi, C. John Langley; <i>Supply chain management: A logistic perspective</i> ; South-Western College; 2013			x

43	Quản trị chuỗi cung ứng	3	TS. Nguyễn Thành Hiếu; <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> ; NXB KTQD 2015;			X
			[3]. David Simchi-Levi, Philip Kaminsky, and Edith Simchi-Levi; <i>Designing and Managing the Supply Chain</i> ; McGraw-Hill/Irwin; 2nd edition; 2002;			X
			[4]. Chopra Sunil và Peter Meindl; <i>Supply chain management: Strategy, planning and operation</i> ; Upper Saddle River; NJ: Prentice- Hall, Inc; 2007;			X
			[5]. Shoshanah Cohen & Joseph Roussel; <i>Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng; biên dịch: TS. Lê Đức Thọ</i> ; NXB Lao động xã hội; 2011;			X
			[6]. Nguyễn Kim Anh; <i>Bài giảng Quản trị chuỗi cung ứng</i> ; Trường đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; 2007.			X
			TS. Nguyễn Thành Hiếu; <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> ; NXB KTQD 2015;			X
43	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN	3	Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Đại học Kỹ thuật công nghiệp			X
44	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN	6	Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Đại học Kỹ thuật công nghiệp			X

II. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình dạy học ngành Kinh tế công nghiệp được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT. Trình tự và nội dung giảng dạy tiếp cận theo hướng tăng dần nhận thức và trình độ năng lực sinh viên, trong đó *mỗi trải nghiệm được xây dựng trên cơ sở các trải nghiệm trước đó, đồng thời củng cố thêm các trải nghiệm ấy*. Song song với việc học kiến thức, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm thông qua các học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập, trải nghiệm và các học phần tích hợp và khóa luận tốt nghiệp xuyên suốt CTĐT. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy được chú trọng để thúc đẩy sinh viên đạt được chuẩn đầu ra mong đợi...

Chiến lược giảng dạy-học tập được áp dụng trong CTĐT:

Chiến lược	Mô tả	Phương pháp
Chiến lược giảng dạy		
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán; - Trình diễn mẫu; - Luyện tập, thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các học phần được chọn lựa trong CTĐT của chuyên ngành có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên đề tài, chủ đề hoặc vấn đề (chẳng hạn như đề án kế toán tài chính, đề án kế toán thuế, đề án kinh tế học, đề án quản lý dự án, đề án quản trị tác nghiệp, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp), người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất về kinh phí và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần này.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu - Giải quyết vấn đề - Nghiên cứu tình huống - Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm bao gồm các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, thuộc nhóm này gồm thực tập cơ sở ngành, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng - Đóng vai - Mô hình - Trò chơi - Thực tập trải nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, thực tập doanh nghiệp, tham quan thực tế, thực tập cơ sở và khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi

Chiến lược học tập		
Trải nghiệm	Các môn học của trọng chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành sinh viên được trang bị học tập thực hành và thí nghiệm trong PTN. Các môn thực tập cơ sở ngành, đề án, khóa luận tốt nghiệp...	<ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng - Hình ảnh tập trung - Đóng vai, trò chơi - Mô hình - Thực tế; thí nghiệm
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, tổ chức công tác kế toán trong các học phần khoá luận tốt nghiệp, trình bày khoá luận, các đề án môn học, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo tổng kết.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công công việc cá nhân. - Thực tập và khoá luận tốt nghiệp.
Học trực tuyến	Phương pháp học trực tuyến được sử dụng các phần mềm, ứng dụng học trực tuyến bao gồm E-Learning, Google Classroom, Zoom, Google Meet... Đây là phương pháp học thông qua các thiết bị có kết nối Internet có thể truy cập tới các phòng học trực tuyến hoặc máy chủ có lưu sẵn các bài giảng điện tử thông qua hệ thống quản trị đào tạo (LMS).	<ul style="list-style-type: none"> - Học tập trực tuyến; - Tự tương tác.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình, đảm bảo tính giá trị (*đo lường được chuẩn đầu ra*), đảm bảo độ tin cậy, khách quan và công bằng. Đánh giá sinh viên theo tiến trình (đánh giá thường xuyên), đánh giá kết thúc học phần, bằng nhiều phương pháp khác nhau xuyên suốt từ đánh giá đầu vào, đánh giá học phần và đánh giá tốt nghiệp, bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, bài thi vấn đáp, tự luận; bài khóa luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp, thực hành trên máy, bài trình bày, nghiên cứu tình huống...

III.1. Thang điểm theo hệ thống tín chỉ

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Kết quả đánh giá	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 - 10	A ⁺	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,5
	8,0 - 8,4	B ⁺	3,1
	7,0 - 7,9	B	2,8

	6,5 - 6,9	C ⁺	2,4
Đạt	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D ⁺	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	<4	F	0

III.2. Kiểm tra, đánh giá

(1) Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm:

- Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập, nhiệm vụ về nhà, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp.

- Việc lựa chọn những hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết, đề cương tổng hợp học phần.

* Đối với các môn học phần đề án, khoá luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp thì điểm học phần bao gồm: Phần đánh giá báo cáo, phần đánh giá thuyết trình và trả lời câu hỏi.

IV. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN VÀ NGOẠI KHÓA

1. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên

- Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập hỗ trợ, tư vấn sinh viên trong việc lập kế hoạch học tập, rèn luyện, đăng ký học phần.

- Trung tâm tư vấn sinh viên, phòng Công tác HSSV hỗ trợ sinh viên trong việc giải quyết các chế độ, chính sách, học bổng...

- Phòng đào tạo tư vấn, hỗ trợ sinh viên về vấn đề học phí, thủ tục tốt nghiệp.

- Ký túc xá, hệ thống căn tin cung cấp phòng ở, các bữa ăn trong ngày cho sinh viên.

- Tất cả các thông tin liên quan đến sinh viên được cung cấp đầy đủ trên website www.tnut.edu.vn.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp

Khoa hỗ trợ, tư vấn sinh viên trong việc phân công giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học, lập các dự án khởi nghiệp.

Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế hướng dẫn thủ tục, giấy tờ liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trung tâm khởi nghiệp hỗ trợ, tư vấn giảng viên hướng dẫn, sinh viên trong các hoạt động khởi nghiệp.

3. Hoạt động ngoại khóa và định hướng nghề nghiệp

Các câu lạc bộ, đoàn thanh niên, Hội sinh viên khoa, trường tạo môi trường cho sinh viên có các hoạt động ngoại khóa ý nghĩa;

Khoa, trường, phòng công tác HSSV, Trung tâm hợp tác doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm cho sinh viên năm cuối.

Hội cựu sinh viên khoa kết hợp với khoa hỗ trợ, tìm kiếm cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp .

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỐI SÁNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Bảng 3: BẢNG ĐỐI SÁNH KHUNG CTĐT NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DNCN)

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐANG ĐƯỢC XÂY DỰNG

VỚI CÁC KHUNG CTĐT TƯƠNG TỰ DO CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO UY TÍN TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI BAN HÀNH

STT	CTĐT ngành Kinh tế công nghiệp (Chuyên ngành Kế toán DNCN) (Đang chỉnh sửa)	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - ĐHTN		Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội		CTĐT cử nhân kế toán (The Bachelor of Accounting (BAcc) (Trường ĐH công nghệ Sydney, Úc)
		CTĐT Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	CTĐT Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	CTĐT ngành kế toán	CTĐT ngành Quản trị kinh doanh	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương					
1.	Triết học Mác - Lênin	✓	✓	✓	✓	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	✓	✓	✓	✓	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓	✓	✓	✓	
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	✓	✓	✓	✓	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓	✓	✓	✓	
6.	Đại số tuyến tính			✓	✓	
7.	Giải tích 1			✓	✓	
8.	Xác suất và thống kê		✓	✓	✓	

9.	Tiếng Anh - HP1	✓	✓			
10.	Tiếng Anh - HP2	✓	✓			
11.	Tiếng Anh - HP3		✓			
12.	Tin học trong Kinh tế công nghiệp					
13.	Pháp luật đại cương	✓	✓	✓	✓	
14.	Giáo dục thể chất bắt buộc	✓	✓	✓	✓	
15.1	<i>Bóng chuyền 1</i>			✓	✓	
15.2	<i>Bóng đá 1</i>			✓	✓	
15.3	<i>Bóng rổ 1</i>			✓	✓	
15.4	<i>Cầu lông 1</i>			✓	✓	
16.1	<i>Thực tập trải nghiệm</i>					
16.2	<i>Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	✓			✓	
16.3	<i>Định hướng nghề nghiệp chuyên ngành Kế toán DNCN</i>					
16.4	<i>Định hướng nghề nghiệp chuyên ngành Quản trị DNCN</i>					
II	Khôi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					

17.	Kỹ thuật điện đại cương					
18.	Luật kinh doanh	✓	✓	✓	✓	✓
19.	Toán Kinh tế	✓	✓			
20.	Kinh tế học vi mô	✓	✓	✓	✓	
21.	Kinh tế học vĩ mô	✓	✓	✓	✓	
22.	Đề án Kinh tế học					
23.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	✓	✓	✓	✓	
24.	Marketing căn bản	✓	✓	✓	✓	✓
25.	Nguyên lý kế toán	✓	✓	✓	✓	
26.	Nguyên lý thống kê	✓	✓	✓	✓	
27.	Thống kê doanh nghiệp		✓		✓	✓
28.	Phân tích hoạt động kinh doanh	✓	✓	✓		✓
29.	Tài chính doanh nghiệp	✓				
30.	Quản trị học	✓	✓	✓	✓	
31.	Kinh tế lượng	✓	✓	✓	✓	
32.	Kế toán quản trị 1	✓	✓	✓		✓

33.	Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính kế toán	✓			✓	
34.	TTCS ngành			✓	✓	
35	Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 HP)					
35.1	Kiểm toán căn bản	✓		✓		
35.2	Quản trị chất lượng		✓		✓	
36.	Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 HP)					
36.1	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại					
36.2	Thương mại điện tử		✓		✓	
37.	Tự chọn 3 (Chọn 2 trong 4 HP)					
37.1	Kiểm toán tài chính	✓		✓		✓
37.2	Quản trị tài chính		✓		✓	
37.3	Kế toán xây dựng cơ bản	✓				✓
37.4	Văn hóa kinh doanh				✓	
	Chuyên ngành Kế toán DNCN					
38.	Kế toán tài chính 1	✓		✓		✓
39.	Kế toán tài chính 2	✓		✓		✓

40.	Kế toán thuế			✓		✓
41.	Tổ chức công tác kế toán	✓		✓		
42.	Đề án kế toán tài chính	✓		✓		
43.	Đề án kế toán thuế					
44.	Kế toán quốc tế	✓		✓		
45.	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	✓		✓		
46.	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	✓		✓		
	<i>Chuyên ngành Quản trị DNCN</i>					
38.	Quản trị nguồn nhân lực		✓		✓	
39.	Quản lý dự án		✓		✓	
40.	Quản trị tác nghiệp					
41.	Quản trị chiến lược		✓		✓	
42.	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp		✓			
43.	Đề án Quản lý dự án					
44.	Đề án Quản trị tác nghiệp					
45.	TTTN chuyên ngành Quản trị DNCN		✓		✓	

46.	KLTN chuyên ngành Quản trị DNCN		✓		✓	
Tổng: 126 tín chỉ		126 TC	125TC	148,5 TC	149,5 TC	150 TC
Thời gian đào tạo: 4 năm		4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
Văn bằng: Cử nhân		Cử nhân	Cử nhân	Cử nhân	Cử nhân	Cử nhân

PHẦN IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD-ĐT và của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - ĐH Thái Nguyên.

Giờ quy định tính như sau:

$$\begin{aligned} 1 \text{ tín chỉ} &= 15 \text{ tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp} \\ &= 30 \text{ giờ thí nghiệm hoặc thực hành} \\ &= 45 \text{ giờ tự học} \\ &= 45 \div 90 \text{ giờ thực tập tại cơ sở.} \\ &= 45 \div 60 \text{ giờ thực hiện đề án, khoá luận tốt nghiệp.} \end{aligned}$$

Số giờ của học phần là bội số của 15.

2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - ĐH Thái Nguyên. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà sinh viên được phép đăng ký. Sinh viên có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.